

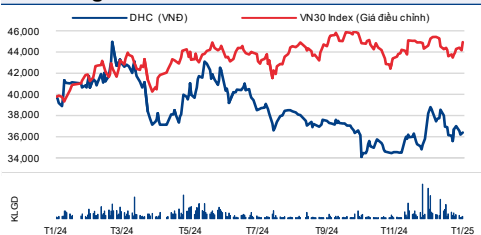
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ42,300
Tiềm năng tăng/giảm: 16.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/1/2025)	36,250
Mã Bloomberg	DHC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	34,100-44,951
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	36,320
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,918
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	116
Slg CP lưu hành (tr.đv)	80.5
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	40.2
Slg CP NN được mua (tr.đv)	10.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	37.6%
Tỷ lệ freefloat	62.2%
Cổ đông lớn	KWE (14.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	3,259	3,576	3,559
EBITDA đc (tỷ đồng)	460	441	478
LNTT (tỷ đồng)	358	313	363
LNT ĐC (tỷ đồng)	303	268	311
FCF (tỷ đồng)	153	104	16.0
EPS ĐC (đồng)	3,763	3,329	3,861
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,275
BVPS (đồng)	22,969	24,243	29,191
T.trưởng EBITDA (%)	(17.0)	(4.13)	8.45
T.trưởng EPS ĐC (%)	(29.2)	(11.5)	16.0
Tăng trưởng DPS (%)	(20.0)	0	13.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	12.3	13.4
Tỷ suất LNTT (%)	11.0	8.75	10.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.48	7.65	8.91
Tỷ lệ LN trả CT (%)	52.1	58.9	57.7
Nợ thuần/VCSH (%)	25.0	25.2	15.2
ROAE (%)	17.2	14.4	14.7
ROACE (%)	19.8	17.7	17.4
EV/doanh thu (lần)	1.07	0.98	0.95
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.56	7.97	7.06
P/E ĐC (lần)	9.63	10.9	9.39
P/B (lần)	1.58	1.50	1.24
Lợi suất cổ tức (%)	5.52	5.52	6.27

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DHC là một trong những doanh nghiệp sản xuất giấy công nghiệp hàng đầu Việt Nam với thị phần ước tính đạt 5.4% trong năm 2022. Sản phẩm chính của DHC bao gồm giấy công nghiệp và bao bì carton. DHC hiện đang sở hữu hai nhà máy giấy và hai nhà máy bao bì carton tại Bến Tre.

Chuyên viên phân tích

Văn Nguyễn Minh Đức
Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp
duc.vnm@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 5554

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: Lợi nhuận thuần giảm 34,6% so với cùng kỳ, thấp hơn nhiều so với dự báo

- Lợi nhuận thuần Q4/2024 của DHC đạt 49 tỷ đồng, giảm 34,6% so với cùng kỳ (và giảm 36,3% so với quý trước), thấp hơn 39% so với dự báo của HSC, trong khi doanh thu thuần đạt 873,2 tỷ đồng (tăng 7% so với cùng kỳ nhưng giảm 2,6% so với quý trước), sát với dự báo. Lợi nhuận thuần tăng mạnh là do chi phí đầu vào tăng, đặc biệt là chi phí vận tải và đồng USD tăng giá.
- Theo đó, lợi nhuận thuần năm 2024 đạt 242 tỷ đồng – giảm 21,7% so với cùng kỳ, bằng 89% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi – trên doanh thu thuần 3.596 tỷ đồng (tăng trưởng 10,4%).
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 6% trong 3 tháng qua, DHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,5 lần, thấp hơn một chút so với bình quân 6 năm ở mức 10,2 lần. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

Lợi nhuận thuần Q4/2024 của DHC đạt 49 tỷ đồng (giảm mạnh 34,6% so với cùng kỳ và giảm 36,3% so với quý trước), trên doanh thu thuần 873,2 tỷ đồng (tăng 7% so với cùng kỳ nhưng giảm 2,6% so với quý trước). Lợi nhuận giảm là do giá OCC tăng mạnh khi chi phí vận tải và đồng USD tăng giá.

Giá bán bình quân phục hồi, thúc đẩy tăng trưởng doanh thu...

Doanh thu thuần tăng so với cùng kỳ chủ yếu nhờ giá bán bình quân của sản phẩm giấy phục hồi, trong khi đó doanh thu giảm nhẹ so với quý trước là nhờ công suất hoạt động nhà máy của phân khúc sản phẩm thùng carton tăng cao (do quý 4 thường là mùa cao điểm cho khách hàng của DHC chuẩn bị cho Tết Nguyên Đán).

Đối với sản lượng tiêu thụ Q4/2024, HSC dự báo Công ty sản xuất 21,8 triệu thùng carton (tăng 18,3% so với cùng kỳ và tăng 4% so với quý trước) với công suất hoạt động nhà máy ở mức khoảng 81% (so với 68% trong Q4/2023 và 78% trong Q3/2024). Kết quả này dẫn đến công suất hoạt động của nhà máy sản xuất thùng carton trong năm 2024 đạt 74,3% (so với 60,2% trong năm 2023), tương đương 80,3 triệu thùng (tăng 24,7% so với cùng kỳ).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, DHC

Lợi nhuận thuần Q4/2024 giảm 34,6% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	873	7.0%	-2.6%	3,597	10.4%
Lợi nhuận gộp	98	-13.1%	-14.3%	426	-15.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	11.2%	-260bps	-150bps	11.8%	-370bps
Chi phí BH&QL	39	39.7%	3.5%	152	4.5%
Chi phí BH&QL/doanh thu	4.5%	+110bps	+30bps	4.2%	-30bps
LNTT	56	-35.8%	-37.5%	279	-22.0%
Lợi nhuận thuần	49	-34.6%	-36.3%	242	-21.7%
Lợi nhuận cốt lõi	49	-26.1%	-35.8%	243	-21.5%

Nguồn: DHC, HSC

Liên quan đến giá bán bình quân, do Công ty đẩy mạnh công suất hoạt động nhà máy sản xuất thùng carton, giá bán bình quân vẫn được duy trì ở mức 8.400đ/thùng trong suốt cả năm, giảm 3% so với cùng kỳ. Đối với sản phẩm giấy, giá bán bình quân Q4/2024 ở mức 9.400đ/kg, tăng 1,1% so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với quý trước. Theo đó, giá bán bình quân của sản phẩm giấy năm 2024 khoảng 9.200đ/kg (tăng 4% so với cùng kỳ), do nhu cầu trong nửa đầu năm 2024 thấp.

Doanh thu thuần năm 2024 đạt 3.596 tỷ đồng, tăng trưởng 10,4% và sát với dự báo của chúng tôi.

...nhưng lợi nhuận thuần chậm đầy mới, do chi phí tăng cao

Một số yếu tố dẫn đến KQKD Q4/2024 kém tích cực so với cùng kỳ:

- Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2024 giảm xuống mức 11,2% (so với 13,8% trong Q4/2023 và 12,7% trong Q3/2024) do giá OCC (nguyên liệu đầu vào) tăng cao (tăng 19,3% so với cùng kỳ và tăng 4,8% so với quý trước) do các hãng tàu ưu tiên vận chuyển hàng hóa có giá trị gia tăng cao hơn, hơn là giấy tái chế (khi tình trạng thiếu hụt trầm trọng container rỗng kéo dài).
- Tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý/doanh thu trong Q4/2024 tăng lên 4,5% (so với 3,4% trong Q4/2023 và 4,2% trong Q3/2024).
- DHC ghi nhận lỗ tài chính ở mức 3,4 tỷ đồng trong Q4/2024, so với lợi nhuận HĐ tài chính 2,1 tỷ đồng trong Q4/2023 và 9,5 tỷ đồng trong Q3/2024, chủ yếu do lỗ tỷ giá trong bối cảnh đồng USD tăng giá trong quý báo cáo.
- Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận thuần Q4/2024 đánh dấu mức thấp mới 5,6% (so với 9,2% trong Q4/2023 và 8,6% trong Q3/2024). Nhìn chung, lợi nhuận thuần năm 2024 đạt 242 tỷ đồng, giảm mạnh 21,7% so với cùng kỳ, hoàn thành chỉ 89% dự báo cho cả năm của chúng tôi.

Triển vọng năm 2025 của ngành và công ty

HSC giữ quan điểm thận trọng đối với triển vọng ngành giấy năm 2025. Dự kiến tình hình sẽ cải thiện từ nửa cuối năm 2025 trở đi, nhờ nhu cầu trong nước dần phục hồi cũng như đà phục hồi của kinh tế Trung Quốc, từ đó thúc đẩy các hoạt động xuất khẩu. Việc giảm thiểu tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng cũng có thể góp phần tạo ra nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định hơn. Tuy nhiên, tình trạng thiếu hụt công suất sản xuất và giá bán bình quân tăng chậm có thể làm chậm tốc độ phục hồi, đặc biệt vào những tháng đầu năm 2025.

Đối với DHC, tăng trưởng doanh thu có thể sẽ được thúc đẩy bởi công suất hoạt động nhà máy sản xuất thùng carton tăng cao, được hỗ trợ bởi đà tăng trưởng của mảng nông nghiệp tại ĐBSCL, cũng như giá bán bình quân của phân khúc giấy bao bì phục hồi. Trong khi đó, nhà máy Giao Long 3 dự kiến vận hành chính thức trong nửa cuối năm 2027, sẽ giúp giải quyết tình trạng thiếu hụt công suất sản xuất trong thời gian dài và ảnh hưởng đến các nhà máy giấy của Công ty.

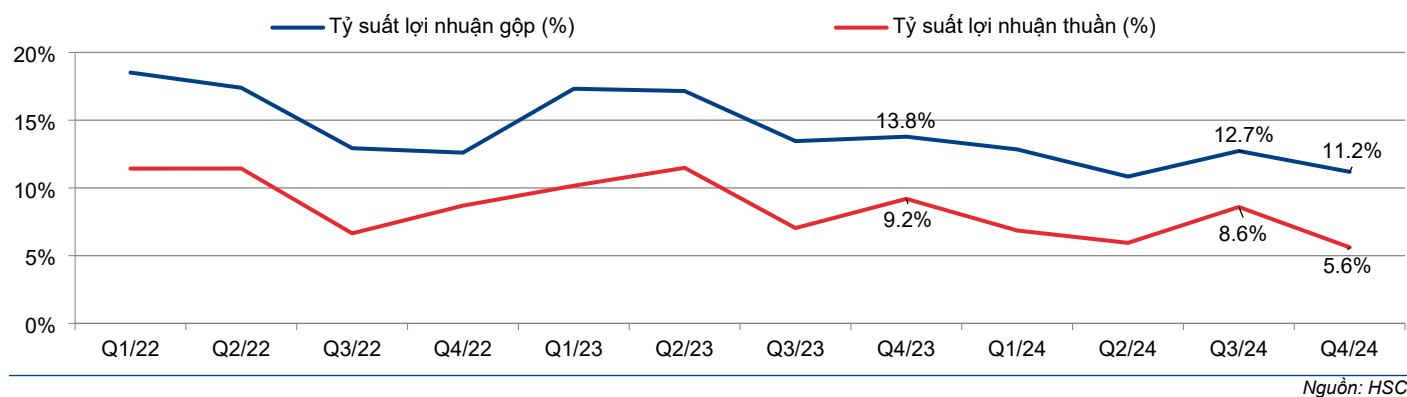
Do đó, do KQKD Q4/2024 thấp hơn nhiều so với dự báo, chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận.

Xem xét lại khuyến nghị và dự báo lợi nhuận

Sau khi giá cổ phiếu tăng 6% trong 3 tháng qua, DHC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,5 lần, thấp hơn một chút so với bình quân 6 năm ở mức 10,2 lần. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Biểu đồ 2: Tỷ suất lợi nhuận qua các quý, DHC

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2024 giảm xuống 11,2%, trong khi tỷ suất lợi nhuận thuần chạm mức đáy khi chỉ đạt 5,6%



BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	3,935	3,259	3,576	3,559	3,716
Lợi nhuận gộp	611	504	498	537	606
Chi phí BH&QL	(157)	(146)	(161)	(164)	(171)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	453	358	338	374	435
Lãi vay thuần	(21.4)	(8.99)	(28.2)	(13.9)	(23.1)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.33	1.89	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	4.81	7.55	3.58	3.56	3.72
LNTT	437	358	313	363	415
Chi phí thuế TNDN	(57.7)	(49.0)	(39.5)	(46.3)	(77.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	379	309	273	317	338
Lợi nhuận thuần ĐC	372	303	268	311	331
EBITDA ĐC	554	460	441	478	540
EPS (đồng)	5,421	3,840	3,397	3,940	4,201
EPS ĐC (đồng)	5,313	3,763	3,329	3,861	4,117
DPS (đồng)	2,500	2,000	2,000	2,275	2,275
Slg CP bình quân (triệu đv)	70.0	80.5	80.5	80.5	80.5
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	70.0	80.5	80.5	80.5	80.5
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	70.0	80.5	80.5	80.5	80.5

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	189	247	216	247	231
Đầu tư ngắn hạn	19.1	101	100	100	100
Phải thu khách hàng	782	894	894	783	743
Hàng tồn kho	629	504	646	604	591
Các tài sản ngắn hạn khác	44.0	38.7	42.9	42.7	44.6
Tổng tài sản ngắn hạn	1,663	1,785	1,900	1,777	1,710
TSCĐ hữu hình	1,183	1,087	1,131	1,544	1,988
TSCĐ vô hình	0.36	0.23	0.14	0.05	0.01
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	24.2	30.9	24.3	21.9	24.1
Đầu tư vào Cty LD,LK	5.30	6.88	5.92	5.92	5.92
Tài sản dài hạn khác	7.28	4.74	5.20	5.17	5.40
Tổng tài sản dài hạn	1,220	1,130	1,166	1,577	2,023
Tổng cộng tài sản	2,882	2,915	3,066	3,353	3,733
Nợ ngắn hạn	518	702	708	604	622
Phải trả người bán	533	303	400	393	311
Nợ ngắn hạn khác	36.4	43.0	3.38	3.38	3.38
Tổng nợ ngắn hạn	1,131	1,062	1,111	1,000	937
Nợ dài hạn	0	0	0	0	300
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0.70	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0.70	0	0	300
Tổng nợ phải trả	1,131	1,063	1,111	1,000	1,237
Vốn chủ sở hữu	1,748	1,849	1,951	2,350	2,493
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.00	3.02	3.02	3.02	3.02
Tổng vốn chủ sở hữu	1,751	1,852	1,954	2,353	2,496
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,882	2,915	3,066	3,353	3,733
BVPS (đ)	24,978	22,969	24,243	29,191	30,973
Nợ thuần/(tiền mặt)	329	455	492	358	691

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	453	358	338	374	435
Khấu hao	(101)	(102)	(103)	(104)	(105)
Lãi vay thuần	(21.4)	(8.99)	(28.2)	(13.9)	(23.1)
Thuế TNDN đã nộp	(45.7)	(57.2)	(39.5)	(46.3)	(77.1)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	(188)	(127)	110	(65.5)
Khác	(29.4)	(6.79)	(24.6)	(10.3)	(19.4)
LCT thuần từ HKKD	304	241	285	567	415
Đầu tư TS dài hạn	(77.0)	(88.1)	(181)	(551)	(652)
Góp vốn & đầu tư	(1.51)	(98.3)	7.82	6.63	6.77
Thanh lý	30.2	21.0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(48.3)	(165)	(173)	(545)	(645)
Cổ tức trả cho CSH	(315)	(201)	(161)	(183)	(183)
Thu từ phát hành CP	3.00	0.03	0	276	0
Tăng/giảm nợ	148	183	18.3	(85.4)	398
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(164)	(17.8)	(143)	7.80	214
Tiền & tương đương tiền đầu kì	98.2	189	247	216	247
LCT thuần trong kỳ	91.1	58.1	(31.1)	30.5	(15.8)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.14)	(0.00)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	189	247	216	247	231
Dòng tiền tự do	227	153	104	16.0	(237)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.5	15.5	13.9	15.1	16.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	14.1	12.3	13.4	14.5
Tỷ suất LNT (%)	9.64	9.48	7.65	8.91	9.10
Thuế TNDN hiện hành (%)	13.2	13.7	12.6	12.7	18.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.51)	(17.2)	9.74	(0.49)	4.42
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(9.56)	(17.0)	(4.13)	8.45	13.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(21.2)	(18.5)	(11.5)	16.0	6.62
Tăng trưởng EPS (%)	(21.2)	(29.2)	(11.5)	16.0	6.62
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(21.2)	(29.2)	(11.5)	16.0	6.62
Tăng trưởng DPS (%)	(28.6)	(20.0)	0	13.7	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	46.1	52.1	58.9	57.7	54.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	22.0	17.2	14.4	14.7	14.0
ROACE (%)	26.3	19.8	17.7	17.4	16.9
Vòng quay tài sản (lần)	1.49	1.12	1.20	1.11	1.05
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.67	0.67	0.84	1.52	0.95
Số ngày tồn kho	69.0	66.8	76.6	73.0	69.4
Số ngày phải thu	85.8	118	106	94.6	87.2
Số ngày phải trả	58.5	40.1	47.4	47.4	36.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.4	25.0	25.2	15.2	27.7
Nợ/tài sản (%)	18.9	24.3	23.1	18.0	24.7
EBIT/lãi vay (lần)	21.2	39.8	12.0	26.9	18.8
Nợ/EBITDA (lần)	0.98	1.54	1.61	1.26	1.71
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.47	1.68	1.71	1.78	1.83
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.73	1.07	0.98	0.95	1.00
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.21	7.56	7.97	7.06	6.87
P/E (lần)	6.69	9.44	10.7	9.20	8.63
P/E ĐC (lần)	6.82	9.63	10.9	9.39	8.81
P/B (lần)	1.45	1.58	1.50	1.24	1.17
Lợi suất cổ tức (%)	6.90	5.52	5.52	6.27	6.27

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn